

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 03-5-2024  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đinh Quang Minh;
- Ông Trương Hữu Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 46/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1990. HKTT: Số D tổ H ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Tạm trú: Ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- **Bị đơn:** Bà Thạch L, sinh năm 1994. HKTT: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn ông T có mặt, bị đơn bà L vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:

Ông T và bà L chung sống tự nguyện với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre ngày 12/3/2015.

Trong thời gian chung sống, hai vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà **L** không có trách nhiệm với gia đình, ông **T** và bà **L** đã không còn sống chung với nhau đã gần 01 năm nay. Cuộc sống vợ chồng đã không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông **T** làm đơn xin ly hôn với bà **L**.

- Con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Như Ý, sinh ngày 18/01/2015 và Huỳnh Thị Thúy A, sinh ngày 03/5/2019.

Tại phiên tòa, ông **T** yêu cầu nuôi cả hai con, không yêu cầu bà **L** cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông **T** không có trình bày hay không cung cấp chứng cứ gì thêm.

\* Bị đơn bà **Thạch L**:

Bà **L** đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng bà **L** vắng mặt không có lý do nên không thu thập được ý kiến của bà **L**.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ, xét xử vụ án theo trình tự luật định. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông **T** xin vắng mặt, bị đơn bà **L** được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **T**.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông **T** xin vắng mặt, bị đơn bà **L** đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn bà **L** thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.



[2] Nguyên đơn ông **T** khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn bà **L**, kết quả xác minh xác định bị đơn bà **L** đang cư trú tại **ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương** nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **T**:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông **T** và bà **L** tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre** ngày 12/3/2015. Hôn nhân giữa ông **T** và bà **L** là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Ông **T** xác định quá trình chung sống ông **T** và bà **L** đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, do bà **L** không có trách nhiệm với gia đình, hai vợ chồng đã không còn sống chung với nhau một thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông **T** xin được ly hôn với bà **L**. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ban lãnh đạo **ấp Đ, xã M** xác định: Bà **L** vẫn còn cư trú tại địa phương nhưng không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, bà **L** và ông **T** đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà **L** không có trách nhiệm với gia đình, hai vợ chồng đã không còn sống chung với nhau đã lâu, ông **T** là người chăm sóc cho các con từ khi hai vợ chồng không sống chung cho đến nay. Bị đơn bà **L** cố tình vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, cho thấy, bà **L** đã không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng và mối quan hệ gia đình. Xét tình trạng hôn nhân giữa ông **T** và bà **L** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông **T** được ly hôn với bà **L** theo quy định tại Điều 19, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung*: Quá trình chung sống ông **T** và bà **L** có hai con chung tên Huỳnh Thị Như Ý, sinh ngày 18/01/2015 và **Huỳnh Thị Thúy A**, sinh ngày 03/5/2019. Ông **T** yêu cầu nuôi cả hai con, không yêu cầu bà **L** cấp dưỡng nuôi con. Bà **L** vắng mặt nên không thu thập được ý kiến. Tòa án đã lấy lời khai của cháu Huỳnh Thị Như Ý, cháu **Ý m** ở với mẹ nếu cha mẹ cháu ly hôn. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả xác minh cho thấy bà **L** không có nơi ở ổn định, từ khi bà **L** và ông **T** không còn sống chung thì ông **T** là người trực tiếp nuôi dưỡng các con, việc giao con cho bà **L** nuôi dưỡng không đảm bảo quyền lợi cho các con. Vì vậy, yêu cầu của ông **T** về yêu cầu được nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu bà **L** cấp dưỡng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông **T** không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông **T** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Huỳnh Văn T** đối với bà **Thạch L** về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông **Huỳnh Văn T** được ly hôn với bà **Thạch L**.

1.2. *Về con chung:* Giao cháu Huỳnh Thị Như Ý, sinh ngày 18/01/2015 và cháu **Huỳnh Thị Thúy A**, sinh ngày 03/5/2019 cho ông **Huỳnh Văn T** trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông **Huỳnh Văn T** về việc không yêu cầu bà **Thạch L** cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Ông **Huỳnh Văn T** chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông **T** đã nộp theo biên lai thu số 0002550 ngày 11 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03.5.2024).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

*Nơi nhận:*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

## **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Ngọc Tuyên**